

**CÔNG TY CỔ PHẦN SET DECOR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SET DECOR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SET DECOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SET DECOR.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107743720

**3. Ngày thành lập:** 02/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, ngõ 10, đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989893125

Fax:

Email: [noithatsetdecor@gmail.com](mailto:noithatsetdecor@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                         | 4210     |
| 2.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                      | 4220     |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>Xây dựng công trình công nghiệp<br>Xây dựng công trình cửa<br>Xây dựng đường hầm<br>Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời | 4290     |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                            | 4311     |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                 | 4312     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                             | 4321     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                   | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như:<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí | 4329        |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330        |
| 10. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng;<br>Xây dựng bể bơi ngoài trời;                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390        |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663        |
| 12. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4752        |
| 13. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4753        |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4759        |
| 15. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4100(Chính) |
| 16. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1621        |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1622        |
| 18. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2396        |
| 19. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3314        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ thiết kế đồ thị<br>Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (loại nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |

|     |                                                                                                                                          |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Hoạt động kiến trúc;<br>Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; | 7110                                                                |
| 23. | (đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)       | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN BÁ THIỆP  | Xóm Xuân Tân, Xã Hưng Thịnh, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 187003095                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN TUYỀN | Đội 8, Xã Hải Trung, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 163231166                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ VĂN SÁNG      | Thôn Đô Mỹ, Xã Hà Tân, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 173318286                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | TẠ VIỆT THẮNG    | Thôn Bái Sơn, Xã Hà Tiên, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 173318048                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/11/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 163231166

Ngày cấp: 30/05/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 8, Xã Hải Trung, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 36B, ngõ 4 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội